Trường THPT Mai Thúc Loan Bộ môn lịch sử

 **Tổ: Sử- Địa Lớp dạy: Khối 12**

**Ngày soạn 20/10/2024**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TIẾT 33**

**BÀI THỰC HÀNH SỐ 4 ( TỔ CHỨC DẠY HỌC TẠI THƯ VIỆN)**

 **THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 4**

**CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 3

- Biết khai thác các cuốn sách có trong thư viện phù hợp với chủ đề và trình độ học sinh để tổ chức tiết học.

- Tạo thói quen đọc sách và mở rộng vốn kiến thức thông qua học tập tại thư viện. Đồng thời giúp học sinh trải nghiệm tích cực đối với tiết học tại thư viện. Vận dụng kiến thức để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống.

**2. Về năng lực:**

- Nhận thức và tư duy lịch sử. Thông qua khai thác thông tin tư liệu tại thư viện, quan sát hình ảnh để hệ thống được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 3

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn tài liệu khác nhau có trong thư viện, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

**3. Về phẩm chất:**

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ đọc sách trong thư viện; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập, các hoạt động sưu tầm tài liệu, tra cứu thông tin tại thư viện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- SGV, SBT, Kế hoạch bài học, các tài liệu hiện có tại thư viện có liên quan đến chủ đề.

- Máy tính, máy chiếu hiện có tại thư viện**.**

**2. Học sinh:**

- Sách giáo khoa, SBT, các tài liệu hiện có tại thư viện có liên quan đến chủ đề.

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm tại thư viện liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

**3. Địa điểm tổ chức dạy học**: Tại thư viện trường THPT Mai Thúc Loan

**III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:**

**Hoạt động 1. Hệ thống hoá kiến thức đã học**

**1. Mục tiêu:** Giúp HS hệ thống hoá kiến thức đã học trong chủ đề 3: Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại.

**2. Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Hệ thống hoá những nối dung kiến thức cơ bản đã được học trong chủ đề theo phiếu học tập sau

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Phiếu số 1: Hoàn thành sơ đồ tóm tắt sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **THÀNH TỰU** | **NỘI DUNG**  |
| **Kinh tế** |  |
| **Chính trị** |  |
|  |
| **An ninh- quốc phòng** |  |
|  |
| **Hội nhập quốc tế** |  |

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK, tìm hiểu lịch sử qua như tư liệu có ở thư viện và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm bằng sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt trên giấy A0 hoặc thiết kế trên PowerPoint…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV sẽ chỉ định một số HS ở một số nhóm báo cáo kết quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

GV Kết luận, nhận định, phân tích nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Hệ thống và chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

 **Hoạt động 2.** **Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết các bài tập tình huống**

 **1. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống

 **2. Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: hs tìm hiểu tài liệu thư viện để hoàn thành những thông tin theo bảng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thảo luận nhóm:

+ Cá nhân trao đổi về nhiệm vụ của nhóm

+ Hình thành nội dung báo cáo của nhóm

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV sẽ chỉ định một số HS ở một số nhóm báo cáo kết quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.**

GV Kết luận, nhận định, phân tích nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Hệ thống và chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

**Hoạt động 3.** Trách nhiệm của học sinh trong công cuộc Đổi mới của đất nước

 **1. Mục tiêu:** Giúp hs nhận thức được trách nhiệm bản thân

 **2. Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Chia lớp thành các nhóm, thảo luận về nội dung trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS các nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

**Hoạt động 5.** Học sinh luyện tập làm một số câu hỏi TNKQ

 **1. Mục tiêu:** Phát hiện năng lực ở học sinh giải quyết vấn đề khi làm bài TN về văn minh phương Tây

 **2. Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

**Câu 1\*.** Mối quan hệ của Đảng, Nhà nước với Nhân dân ngày càng được tăng cường theo quy định của

**A.** Tư pháp. **B.** Hiến pháp.

**C.** Hành pháp. **D.** Lập pháp.

**Câu 2\*.** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Việt Nam?

**A.** Tư nhân. **B.** Cá thể.

**C.** Nhà nước. **D.** Nước ngoài.

**Câu 3\*.** Một trong những thành tựu mà giáo dục Việt Nam đạt được vào năm 2000 là

**A.** phổ cập giáo dục tiểu học. **B.** phổ cập trung học cơ sở.

**C.** đứng đầu thế giới về Toán. **D.** hoàn thành phổ cập đại học.

**Câu 4\*. Một trong những thành tựu chính trị của Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986) là**

A. xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản.

B. thực hiện xong xoá đói, giảm nghèo.

C. duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

D. bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền.

**Câu 5\*. Về văn hoá – xã hội, Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong thời kì Đổi mới?**

A. Xoá hoàn toàn hộ nghèo.

B. Phổ cập giáo dục đại học.

C. Giảm tỉ lệ hộ nghèo

D. Bước đầu xoá mù chữ.

**Câu 6\*. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu văn hoá – xã hội nào sau đây?**

A. Giải quyết được vấn đề lao động và việc làm.

B. Xoá bỏ được tình trạng lao động thất nghiệp.

C. Chỉ số phát triển con người đứng đầu ASEAN.

D. Miễn phí mọi chi phí về y tế cho nhân dân.

**Câu 7\*. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam thực hiện chế độ ưu đãi xã hội đối với đối tượng nào sau đây?**

A. Người cao tuổi (từ 70 tuổi trở lên).

B. Trí thức được đào tạo ở nước ngoài.

C. Doanh nhân thành đạt.

D. Người có công với Tổ quốc.

**Câu 8\*. Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986) không có sự kết hợp giữa**

A. kế thừa và phát triển.

C. độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế.

B. đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

D. đa nguyên và đa đảng.

**Câu 9\*. Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:**

**A.** trở thành cường quốc số 1 của châu Á.

**B.** đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

**C.** xóa thành công tình trạng tham nhũng.

**D.** 100% công nhân có được bằng đại học.

**Câu 10\*. Đâu là bài học kinh nghiệm xuyên suốt trong lịch sử đã đem lại thành công cho công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay?**

**A.** Kiên trì lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

**B.** Tận dụng các cơ hội đến từ bên ngoài.

**C.** Đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu.

**D.** Tiến hành đổi mới toàn diện, đồng bộ.

**Câu 11\*. Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:**

**A.** không tiến hành mua các loại vũ khí.

**B.** tránh xung đột quân sự trên biển Đông.

**C.** gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế.

**D.** kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 12\*. Về chính trị, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?**

A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

 B. Xây dựng được mô hình Nhà nước chuyên chính vô sản.

C. Xoá bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới, dân chủ.

D. Thay đổi phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 13\*\*. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu đổi mới chính trị của Việt Nam (từ năm 1986)?**

A. Tăng cường chế độ chuyên chính vô sản.

B. Tăng cường thành phần kinh tế tư nhân.

C. Mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

D. Các vấn đề an sinh xã hội được cải thiện

**Câu 14\*\*. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu kinh tế Việt Nam trong thời kì Đổi mới?**

A. Trở thành nước có thu nhập cao nhất Đông Nam Á.

B. Hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. C. Trở thành một trong ba trung tâm tài chính của thế giới.

D. Đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu.

**Câu 15\*\*. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam?**

A. Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.

B. Từng bước đưa Việt Nam ra khỏi nhóm quốc gia có thu nhập trung bình.

C. Ôn định chính trị – xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

 D. Tạo điều kiện nội lực để đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

**Câu 16\*\*. Thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã ghi nhận**

A. sự kết hợp giữa ý Đảng và lòng dân trong mọi hoàn cảnh.

B. nguồn vốn ngoại lực có vai trò quyết định đến thành công.

C. sự đúng đắn của chính sách tư nhân hoá toàn bộ nền kinh tế.

D. sự ủng hộ tuyệt đối của dư luận quốc tế có vai trò quan trọng.

**Câu 17\*\*\*. Thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam (từ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây?**

A. Cần hạn chế tiêu cực của kinh tế thị trường vì đó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. B. Cần tiến hành tư nhân hoá, tự do hoá toàn bộ nền kinh tế để giải phóng sức sản xuất.

C. Cần phải xây dựng nền kinh tế thị trường với mục tiêu phục vụ lợi ích của nhân dân.

D. Cần đổi mới toàn bộ các ngành kinh tế với tốc độ nhanh nhất để thúc đẩy sản xuất

**Câu 18\*\*. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng một bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986?**

A. Kiên định và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng phải có lộ trình, bước đi phù hợp.

C. Kết hợp yếu tố nội lực và yếu tố ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại.

D. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, trong đó chính trị là quyết định.

**Câu 19\*. Trọng tâm của đường lối Đổi mới mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra năm 1986 là**

**A.** kinh tế. **B.** chính trị.

**C.** văn hóa. **D.** tư tưởng.

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

*“Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”.*

(*Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011),* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.204 – 205)

A. Nền kinh tế ở Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước. Đ

B. Nền kinh tế Việt Nam có nhiều thành phần khác nhau, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Đ

C. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không có sự tồn tại của thành phần kinh tế tư nhân. S

D. Kinh tế thị trường ở Việt Nam có sự chi phối bởi các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đ

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

*“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” (Điều 2, Hiến pháp năm 2013). “Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật” (Điều 4, Hiến pháp năm 2013).”*

*(SGK Lịch sử 12,* bộ *Chân trời sáng tạo*, trang 69).

A. Nhà nước Pháp quyền ở Việt Nam đảm bảo mọi quyền lực thuộc về Nhân dân. Đ

B. Nhà nước do Đảng tổ chức, thành lập và lãnh đạo theo Hiến pháp, Pháp luật. S

C. Nền tảng của quyền lực nhà nước là liên minh công, nông và đội ngũ tri thức. Đ

D. Cơ quan biểu trưng cho quyền lực của Nhân dân là Đảng Cộng sản Việt Nam. S

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây,** **trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Tư liệu 1:** *“Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay), đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.*

**Tư liệu 2:** *“Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam (mạch 1) được khởi công thiết kế và xây dựng chỉ trong hai năm (1992 - 1993) từ khi khởi công đến khi đóng điện thành công. Công trình có tổng chiều dài 1487 km, đánh dấu hệ thống điện Việt Nam có trục xương sống 500 kV chạy suốt từ Bắc vào Nam lần đầu tiên trong lịch sử.*

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trang 65, 67).

A. Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện. **Đ**

B. Tư liệu 1 khẳng định Việt Nam đã công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công. **S**

C. Tư liệu 2 khẳng định Việt Nam đã hoàn thành một công trình văn hóa quan trọng. **S**

D. Công trình đường dây 500kV Bắc - Nam đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội. **Đ**

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

*“Năm 2020, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của Việt Nam đạt 99 % (đứng thứ hai trong ASEAN); tỉ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08 % (đứng ở tốp đầu trong ASEAN). Năm 2019, lần đầu tiên Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào tốp 1000 trường đại học tốt nhất thế giới. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam năm 2019 xếp vị trí 42/129 quốc gia/nền kinh tế, đứng đầu trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp và đứng thứ ba trong ASEAN.”*

(*SGK Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 70).

A. Tính đến năm 2020, Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, trung học. Đ

B. Tỉ lệ học sinh đi học đúng tuổi của Việt Nam đứng thứ hai trong tổ chức ASEAN. Đ

C. Giáo dục đại học ở Việt Nam đã lọt top 4 trong các cơ sở đại học tốt nhất thế giới. S

D. Thành tựu trong đổi mới giáo dục đã đưa Việt Nam vào nhóm các nước phát triển. S

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trình bày sản phẩm dưới hình thức viết ra giấy…

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- HS các nhóm giới thiệu về sản phẩm của nhóm

- HS khác có thể nhận xét, đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

 HẾT